



Số: 291/2018/BCKT-HCM.00844

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** **Quý cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2018

**ĐỖ CHÍ LIÊU**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3233-2015-009-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>59.441.936.162</b>	<b>50.134.639.807</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>9.819.094.965</b>	<b>13.551.317.989</b>
Tiền	111		6.800.624.743	6.551.317.989
Các khoản tương đương tiền	112		3.018.470.222	7.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>37.064.050.000</b>	<b>26.000.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	37.064.050.000	26.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.270.972.930</b>	<b>3.648.554.846</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.936.688.026	2.678.671.460
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	409.938.201	307.692.001
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	1.962.316.874	700.161.556
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(37.970.171)	(37.970.171)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>6.874.462.477</b>	<b>6.412.122.658</b>
Hàng tồn kho	141		6.874.462.477	6.412.122.658
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>413.355.790</b>	<b>522.644.314</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	413.355.790	522.644.314
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

004  
CỘNG HÒA  
KIỂM  
C VIẾ  
TP.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>57.642.720.431</b>	<b>54.627.462.703</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.216.779.000</b>	<b>2.395.999.000</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	3.216.779.000	2.395.999.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>41.998.630.528</b>	<b>40.504.999.231</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	38.556.095.873	37.024.464.572
Nguyên giá	222		98.630.959.128	98.794.553.592
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.074.863.255)	(61.770.089.020)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	3.442.534.655	3.480.534.659
Nguyên giá	228		3.742.097.750	3.742.097.750
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(299.563.095)	(261.563.091)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.229.722.102</b>	<b>3.213.358.468</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	3.229.722.102	3.213.358.468
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2.2	<b>3.465.691.225</b>	<b>3.363.325.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.695.200.000	1.695.200.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.901.250.000	1.901.250.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(130.758.775)	(233.125.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.731.897.576</b>	<b>5.149.781.004</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	5.731.897.576	5.149.781.004
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>117.084.656.593</b>	<b>104.762.102.510</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>23.158.216.371</b>	<b>15.226.085.657</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.161.652.871</b>	<b>14.819.485.657</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	3.722.343.335	3.616.223.672
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	3.374.315.247	3.014.459.376
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	3.932.029.574	1.642.527.258
Phải trả người lao động	314	5.15	5.866.551.982	4.415.390.214
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	643.452.056	663.074.434
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	199.792.777	265.937.538
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	2.423.167.900	1.201.873.165
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.996.563.500</b>	<b>406.600.000</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	591.600.000	406.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.19	2.404.963.500	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>93.926.440.222</b>	<b>89.536.016.853</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.20	<b>93.926.440.222</b>	<b>89.536.016.853</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		74.596.750.000	74.596.750.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		74.596.750.000	74.596.750.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.902.986.715	5.902.986.715
Cổ phiếu quỹ	415		(2.506.253.750)	(2.506.253.750)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.537.086.987	1.027.280.064
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.395.870.270	10.515.253.824
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		85.294.203	319.115.335
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		14.310.576.067	10.196.138.489
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>117.084.656.593</b>	<b>104.762.102.510</b>



**ĐINH THỊ LIÊN**  
Người lập biểu

**ĐẶNG THỊ TỐ NGÂN**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN MINH THỨC**  
Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 09 tháng 02 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	252.767.924.565	204.150.571.552
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		252.767.924.565	204.150.571.552
Giá vốn hàng bán	11	6.2	186.797.745.894	145.376.759.203
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>65.970.178.671</b>	<b>58.773.812.349</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.141.142.186	1.690.365.526
Chi phí tài chính	22	6.4	(102.195.616)	241.792.716
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	46.278.791.959	42.627.375.724
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	11.998.248.164	6.003.807.353
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>10.936.476.350</b>	<b>11.591.202.082</b>
Thu nhập khác	31	6.7	16.856.509.101	1.263.659.185
Chi phí khác	32	6.8	165.854.155	50.113.637
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>16.690.654.946</b>	<b>1.213.545.548</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>27.627.131.296</b>	<b>12.804.747.630</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.14	6.035.630.229	2.608.609.141
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>21.591.501.067</b>	<b>10.196.138.489</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	2.965	1.038



**ĐINH THỊ LIÊN**  
Người lập biểu

**ĐẶNG THỊ TỐ NGÂN**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN MINH THỨC**  
Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 09 tháng 02 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	27.627.131.296	12.804.747.630
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.090.702.934	5.841.468.502
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	2.302.597.275	233.125.000
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.851.697.606)	(1.694.410.981)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>16.168.733.899</b>	<b>17.184.930.151</b>
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(1.559.109.198)	(237.115.446)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(462.339.819)	(1.894.098.466)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả,	11	1.929.881.390	1.052.721.483
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(472.828.048)	(2.340.859.785)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.671.609.141)	(2.928.587.392)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.417.932.962)	(2.225.893.846)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>10.514.796.121</b>	<b>8.611.096.699</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.854.687.900)	(747.508.727)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	17.964.545.455	4.045.455
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(11.064.050.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.257.053.300	1.375.484.970
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>302.860.855</b>	<b>2.632.021.698</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.549.880.000)	(7.280.925.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(14.549.880.000)</b>	<b>(7.280.925.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>	<b>(3.732.223.024)</b>	<b>3.962.193.397</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>	<b>13.551.317.989</b>	<b>9.589.124.592</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	<b>9.819.094.965</b>	<b>13.551.317.989</b>

004  
CÔ  
NH  
TIÊM  
VIL  
TP.



**ĐINH THỊ LIÊN**  
Người lập biểu

**ĐẶNG THỊ TỐ NGÂN**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN MINH THỨC**  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 02 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Du lịch Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, khách sạn, nhà hàng ăn uống, dịch vụ lữ hành.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Điều hành tua du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức sự kiện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở chính);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh khu du lịch sinh thái;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải hành khách du lịch;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc của Công ty****Các công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	Số 217, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	36,87%	36,87%

48992  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DU LỊCH  
ĐỒNG NAI  
HỒ CHÍ MINH



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1)	Khách sạn Hòa Bình – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	09, đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
2)	Trung tâm dịch vụ lữ hành – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105B, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ lữ hành.
3)	Khách sạn Đồng Nai – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	57, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
4)	Trung tâm thương mại tổng hợp – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105B, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh công nghệ phẩm.
5)	Nhà hàng Đồng Nai – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	113, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ ăn uống.
6)	Nhà hàng Sen Vàng – CN Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105B, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ ăn uống.

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**1.7 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 214 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 250 người).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **Các khoản đầu tư vào liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các khoản đầu tư liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

#### Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

#### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

#### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-33 năm
Máy móc và thiết bị	05-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05 năm
Tài sản cố định khác	04 năm



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### 4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 288, tờ bản đồ số 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với diện tích là 278,1 m<sup>2</sup>, nguyên giá là 3.353.886.000 VND, thời gian sử dụng lâu dài không trích khấu hao.
- Quyền sử dụng đất tại thửa số 158, tờ bản đồ địa chính số 27 với diện tích 25 m<sup>2</sup>, nguyên giá là 150.000.000 VND (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) Công ty tạm trích khấu hao là 50 năm.

##### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

#### 4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào Quỹ tiền lương kế hoạch của năm 2017 được xác định theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

### 4.13 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng trợ cấp thôi việc.

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương tối thiểu vùng theo Nghị định 153/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 x Hệ số chức danh, công việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.14 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### 4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

25-C  
TY  
H  
AN  
NAM  
CH



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### 4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.





**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**4.18 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Công ty/ đối tượng</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Khách sạn Vĩnh An	Công ty liên kết
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Bên có liên quan của Công ty mẹ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
Tiền mặt		
+ VND	3.724.391.364	1.674.436.579
+ USD	6.503.722	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
+ VND	3.054.871.162	4.876.881.410
+ USD	14.858.495	-
Các khoản tương đương tiền - VND (*)	3.018.470.222	7.000.000.000
	<b>9.819.094.965</b>	<b>13.551.317.989</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi dưới 3 tháng, lãi suất tiền gửi từ 5,3%/năm đến 5,5%/năm.

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt tồn quỹ – USD	286,95	6.503.722
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	655,57	14.858.495



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	37.064.050.000	37.064.050.000	26.000.000.000	26.000.000.000
	<b>37.064.050.000</b>	<b>37.064.050.000</b>	<b>26.000.000.000</b>	<b>26.000.000.000</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng, kỳ hạn gửi từ 06 tháng đến 12 tháng, lãi suất tiền gửi từ 6,3%/năm đến 7,3%/năm.

**5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>1.695.200.000</b>	<b>(130.758.775)</b>		<b>1.695.200.000</b>	<b>(233.125.000)</b>	
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	1.695.200.000	(130.758.775)	(*)	1.695.200.000	(233.125.000)	(*)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>1.901.250.000</b>			<b>1.901.250.000</b>		
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	200.000.000	-	(*)	200.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông	126.250.000	-	(*)	126.250.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	1.575.000.000	-	(*)	1.575.000.000	-	(*)
	<b>3.596.450.000</b>	<b>(130.758.775)</b>		<b>3.596.450.000</b>	<b>(233.125.000)</b>	

Thông tin chi tiết của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	Số 217, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	36,87%	36,87%

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	01A Xa Lộ Hà Nội, phường Tân Biên, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh thực phẩm tươi sống, cung cấp suất ăn công nghiệp	8,00%	8,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông	9/23 Đại lộ Bình Đông, P.Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Mua bán rượu bia, nước giải khát, ăn uống	0,15%	0,15%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Đường 2, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	3,94%	3,94%

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

**Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tại ngày đầu năm	(233.125.000)	-
Trích lập dự phòng trong năm	-	(233.125.000)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	102.366.225	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>(130.758.775)</b>	<b>(233.125.000)</b>

**Giao dịch với công ty liên kết**

Công ty không phát sinh giao dịch trọng yếu với công ty liên doanh, liên kết.

**5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>325.145.999</b>	<b>257.613.000</b>
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	325.145.999	257.613.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>2.611.542.027</b>	<b>2.421.058.460</b>
Công Ty TNHH Nestle Việt Nam	352.684.000	208.313.800
Trung tâm Văn Miếu Trấn Biên	80.592.000	199.757.000
Kiểm Toán Nhà Nước Khu Vực 3	-	184.321.203
Các khách hàng khác	2.178.266.027	1.828.666.457
	<b>2.936.688.026</b>	<b>2.678.671.460</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam	-	220.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại Kiến Long	174.650.000	-
Công ty Cổ phần Fiditour	150.750.000	-
Các nhà cung cấp khác	84.538.201	87.692.001
	<b>409.938.201</b>	<b>307.692.001</b>

**5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác****5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi	1.427.119.442	-	543.030.556	-
Phải thu tiền vé máy bay	470.194.620	-	135.332.000	-
Tạm ứng	47.337.070	-	12.533.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	17.665.742	-	9.266.000	-
	<b>1.962.316.874</b>	<b>-</b>	<b>700.161.556</b>	<b>-</b>

**5.5.2 Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	3.216.779.000	-	2.395.999.000	-
	<b>3.216.779.000</b>	<b>-</b>	<b>2.395.999.000</b>	<b>-</b>

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>						
Công ty TNHH Thương mại Du lịch Quốc tế Đình Anh	Trên 3 năm	24.295.500	-	Trên 3 năm	24.295.500	-
Phạm Minh Khương	Trên 3 năm	13.674.671	-	Trên 3 năm	13.674.671	-
		<b>37.970.171</b>	<b>-</b>		<b>37.970.171</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<b>Nợ phải thu ngắn hạn VND</b>
Tại ngày 01/01/2017	37.970.171
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b><u>37.970.171</u></b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	290.674.451	-	483.435.318	-
Công cụ, dụng cụ	893.904.045	-	979.983.816	-
Hàng hóa	5.689.883.981	-	4.948.703.524	-
	<b><u>6.874.462.477</u></b>	<b>-</b>	<b><u>6.412.122.658</u></b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>31/12/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	367.538.808	376.859.620
Chi phí bảo hiểm	33.835.001	63.561.996
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.087.000	12.380.552
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.894.981	69.842.146
	<b><u>413.355.790</u></b>	<b><u>522.644.314</u></b>

**5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.264.151.252	3.791.527.508
Chi phí sửa chữa lớn nhà hàng, khách sạn chờ phân bổ	1.328.078.107	1.237.774.752
Các chi phí trả trước dài hạn khác	139.668.217	120.478.744
	<b><u>5.731.897.576</u></b>	<b><u>5.149.781.004</u></b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**  
 105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2017	76.294.987.071	12.523.629.382	8.636.046.913	246.017.476	1.093.872.750	98.794.553.592
Mua trong năm	-	3.693.501.794	168.181.818	39.795.200	-	3.901.478.812
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.936.845.454	-	-	-	-	4.936.845.454
Giảm do thanh lý	(5.455.123.503)	(428.968.971)	(2.023.953.506)	-	(1.093.872.750)	(9.001.918.730)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>75.776.709.022</b>	<b>15.788.162.205</b>	<b>6.780.275.225</b>	<b>285.812.676</b>	<b>-</b>	<b>98.630.959.128</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2017	45.731.675.683	9.663.699.912	6.132.157.408	190.692.889	51.863.128	61.770.089.020
Khấu hao trong năm	3.053.162.940	1.445.052.365	550.461.785	4.025.840	-	5.052.702.930
Phân loại lại	14.299.977	33.628.579	-	(47.928.556)	-	-
Giảm do thanh lý	(4.907.724.476)	(317.219.596)	(1.471.121.495)	-	(51.863.128)	(6.747.928.695)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>43.891.414.124</b>	<b>10.825.161.260</b>	<b>5.211.497.698</b>	<b>146.790.173</b>	<b>-</b>	<b>60.074.863.255</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2017	30.563.311.388	2.859.929.470	2.503.889.505	55.324.587	1.042.009.622	37.024.464.572
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>31.885.294.898</b>	<b>4.963.000.945</b>	<b>1.568.777.527</b>	<b>139.022.503</b>	<b>-</b>	<b>38.556.095.873</b>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại ngày 01/01/2017	5.004.295.398	3.929.355.690	1.843.164.079	133.690.200	40.118.000	10.950.623.367
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>5.899.842.246</b>	<b>5.255.822.529</b>	<b>1.542.646.936</b>	<b>133.690.200</b>	<b>-</b>	<b>12.832.001.911</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2017	3.503.886.000	238.211.750	3.742.097.750
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>3.503.886.000</b>	<b>238.211.750</b>	<b>3.742.097.750</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2017	61.268.000	200.295.091	261.563.091
Khấu hao trong năm	3.000.000	35.000.004	38.000.004
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>64.268.000</b>	<b>235.295.095</b>	<b>299.563.095</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2017	3.442.618.000	37.916.659	3.480.534.659
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>3.439.618.000</b>	<b>2.916.655</b>	<b>3.442.534.655</b>
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>			
Tại ngày 01/01/2017	-	133.211.750	133.211.750
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>-</b>	<b>133.211.750</b>	<b>133.211.750</b>

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2017 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ hữu hình trong năm VND	31/12/2017 VND
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Công trình mở rộng khách sạn Hòa Bình	3.102.340.377	16.363.634	-	3.118.704.011
- Công trình xây dựng khách sạn Nhơn Trạch	111.018.091	-	-	111.018.091
- Công trình mở rộng khách sạn Đồng Nai	-	4.936.845.454	(4.936.845.454)	-
	<b>3.213.358.468</b>	<b>4.953.209.090</b>	<b>(4.936.845.454)</b>	<b>3.229.722.102</b>

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty TNHH Bia và nước giải khát Việt Nam (VBB)	827.983.868	926.132.848
Cơ sở Hải sản Hưng Huy Phát	193.297.310	476.937.310
Các nhà cung cấp khác	2.701.062.157	2.213.153.514
	<b>3.722.343.335</b>	<b>3.616.223.672</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Khách hàng đặt cọc tiệc	3.122.774.800	2.316.640.000
Các khách hàng khác	251.540.447	697.819.376
	<b>3.374.315.247</b>	<b>3.014.459.376</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2017	Số phát sinh trong năm		31/12/2017
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	869.511.966	9.191.290.230	(9.317.670.774)	743.131.422
Thuế thu nhập doanh nghiệp	771.609.141	6.035.630.229	(3.671.609.141)	3.135.630.229
Thuế thu nhập cá nhân	1.406.151	185.823.302	(133.961.530)	53.267.923
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.254.651.500	(1.254.651.500)	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
	<b>1.642.527.258</b>	<b>16.676.395.261</b>	<b>(14.386.892.945)</b>	<b>3.932.029.574</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>27.627.131.296</b>	<b>12.804.747.630</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	2.803.277.191	310.892.101
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>30.430.408.487</b>	<b>13.115.639.731</b>
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(252.257.343)	(72.594.028)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>30.178.151.144</b>	<b>13.043.045.703</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>6.035.630.229</b>	<b>2.608.609.141</b>

**5.15 Phải trả người lao động**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ lương còn phải trả	5.866.551.982	4.415.390.214
	<b>5.866.551.982</b>	<b>4.415.390.214</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Phải trả tiền điện, nước, điện thoại	311.910.438	372.617.408
Chi phí phải trả dịch vụ mua ngoài	54.550.000	183.140.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	276.991.618	107.317.026
	<b>643.452.056</b>	<b>663.074.434</b>

**5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.970.000	-
Tiền vé máy bay phải trả cho Vietnam Airline	121.199.777	152.650.003
Thù lao Hội đồng Quản trị	63.000.000	66.400.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.623.000	46.887.535
	<b>199.792.777</b>	<b>265.937.538</b>

**5.17.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	591.600.000	406.600.000
	<b>591.600.000</b>	<b>406.600.000</b>

**5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2017 VND	Trích quỹ trong năm VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2017 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.110.091.260	2.600.000.000	(1.297.270.325)	2.412.820.935
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	91.781.905	39.227.698	(120.662.638)	10.346.965
	<b>1.201.873.165</b>	<b>2.639.227.698</b>	<b>(1.417.932.963)</b>	<b>2.423.167.900</b>

**5.19 Dự phòng phải trả dài hạn**

	01/01/2017 VND	Tăng do trích lập trong năm VND	31/12/2017 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	2.404.963.500	2.404.963.500
	-	<b>2.404.963.500</b>	<b>2.404.963.500</b>

Là khoản trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức ½ tháng lương tối thiểu vùng theo Nghị định 153/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 x Hệ số chức danh, công việc tại thời điểm trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**  
 105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.20 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**

**5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Năm 2016</b>						
Tại ngày 01/01/2016	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	513.640.033	832.755.366	79.339.878.364
Lãi trong năm	-	-	-	-	10.196.138.489	10.196.138.489
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	513.640.031	(513.640.031)	-
Tại ngày 31/12/2016	<b>74.596.750.000</b>	<b>5.902.986.715</b>	<b>(2.506.253.750)</b>	<b>1.027.280.064</b>	<b>10.515.253.824</b>	<b>89.536.016.853</b>
<b>Năm 2017</b>						
Tại ngày 01/01/2017	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	1.027.280.064	10.515.253.824	89.536.016.853
Lãi trong năm	-	-	-	-	21.591.501.067	21.591.501.067
Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016	-	-	-	-	(7.280.925.000)	(7.280.925.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.600.000.000)	(2.600.000.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(39.227.698)	(39.227.698)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	509.806.923	(509.806.923)	-
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2017	-	-	-	-	(7.280.925.000)	(7.280.925.000)
Tại ngày 31/12/2017	<b>74.596.750.000</b>	<b>5.902.986.715</b>	<b>(2.506.253.750)</b>	<b>1.537.086.988</b>	<b>14.395.870.270</b>	<b>93.926.440.222</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	49.200.000.000	65,95	49.200.000.000	65,95
Công ty TNHH Thanh Bình	12.195.000.000	16,35	12.089.250.000	16,21
Bà Huỳnh Thị Bích Phương	7.942.500.000	10,65	7.940.000.000	10,64
Các cổ đông khác	3.471.750.000	4,65	3.580.000.000	4,80
Cổ phiếu quỹ được mua lại	1.787.500.000	2,40	1.787.500.000	2,40
	<b>74.596.750.000</b>	<b>100,00</b>	<b>74.596.750.000</b>	<b>100,00</b>

**5.20.3 Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.459.675	7.459.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.459.675	7.459.675
- Cổ phiếu phổ thông	7.459.675	7.459.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	178.750	178.750
- Cổ phiếu phổ thông	178.750	178.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.280.925	7.280.925
- Cổ phiếu phổ thông	7.280.925	7.280.925
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần.

**5.20.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 50/DLĐN/DHCĐ-NQ ngày 07 tháng 04 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2016	: 7.280.925.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016	: 2.600.000.000
• Trích quỹ khen thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016	: 39.227.698
• Trích quỹ đầu tư phát triển (5% x LNST năm 2016)	: 509.806.923

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 cho các cổ đông với số tiền 7.280.925.000 VND (một cổ phiếu đang lưu hành được nhận 1.000 VND) đã được Hội đồng quản trị thông qua.

**5.21 Các khoản mục ngoài bản cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017	01/01/2017
Dollar Mỹ (USD)	942,52	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	132.568.773.594	107.006.285.889
Doanh thu cung cấp dịch vụ	120.199.150.971	97.144.285.663
	<b><u>252.767.924.565</u></b>	<b><u>204.150.571.552</u></b>

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Trong năm Công ty không phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ trọng yếu cho công ty liên kết.

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	130.770.356.036	109.709.575.332
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	56.027.389.858	35.667.183.871
	<b><u>186.797.745.894</u></b>	<b><u>145.376.759.203</u></b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	2.888.884.843	1.617.771.498
Cổ tức, lợi nhuận được chia	252.257.343	72.594.028
	<b><u>3.141.142.186</u></b>	<b><u>1.690.365.526</u></b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	(102.366.225)	233.125.000
Chi phí tài chính khác	170.609	8.667.716
	<b><u>(102.195.616)</u></b>	<b><u>241.792.716</u></b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	24.875.781.351	23.752.764.687
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.860.226.360	2.658.002.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.785.974.970	5.367.601.765
Thuế, phí và lệ phí	1.518.010.331	1.258.075.052
Chi phí điện nước, điện thoại, bảo trì thang máy	5.456.347.671	4.287.236.121
Chi phí bán hàng khác	5.782.451.276	5.303.695.429
	<b><u>46.278.791.959</u></b>	<b><u>42.627.375.724</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	9.548.674.182	3.802.130.372
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	141.390.939	104.595.979
Chi phí khấu hao tài sản cố định	304.727.964	423.753.100
Thuế, phí và lệ phí	156.297.952	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	283.255.804	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.563.901.323	1.673.327.902
	<b>11.998.248.164</b>	<b>6.003.807.353</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	15.710.555.420	4.045.455
<i>Thu từ thanh lý tài sản cố định</i>	<i>17.964.545.455</i>	<i>4.045.455</i>
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý</i>	<i>2.253.990.035</i>	-
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	110.249.089	19.545.455
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	515.000.000	690.000.000
Thu nhập từ các khoản chiết khấu, hỗ trợ	53.060.201	80.406.800
Thu nhập từ tiền cọc khách hàng bỏ tiệc	16.000.000	186.946.541
Thu nhập khác	451.644.391	282.714.934
	<b>16.856.509.101</b>	<b>1.263.659.185</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	50.113.637
Chi phí khác	165.854.155	-
	<b>165.854.155</b>	<b>50.113.637</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.591.501.067	10.196.138.489
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(2.600.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	-	(39.227.698)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.591.501.067	7.556.910.791
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.280.925	7.280.925
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.965</b>	<b>1.038</b>

(\*) Trong năm 2017, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 50/DLĐN/DHCE-NQ ngày 07 tháng 04 năm 2017. Việc trích lập các quỹ này làm cho lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông giảm từ 10.196.138.489 VND xuống còn 7.556.910.791 VND, dẫn đến lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2016 giảm từ 1.400 VND/Cổ phiếu xuống còn 1.038 VND/Cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.280.925	7.280.925
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>7.280.925</b>	<b>7.280.925</b>

**6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí mua hàng hóa	135.716.836.038	109.975.941.390
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.231.218.367	30.280.228.461
Chi phí nhân công	34.569.255.533	27.298.890.059
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.090.702.934	5.841.468.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.444.871.741	15.073.506.767
Chi phí khác	11.021.901.404	5.537.907.101
	<b>245.074.786.017</b>	<b>194.007.942.280</b>

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC****7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền lương, thù lao và thu nhập khác	1.559.520.000	1.021.369.399
	<b>1.559.520.000</b>	<b>1.021.369.399</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty không phát sinh giao dịch trọng yếu với công ty liên doanh, liên kết. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long		
- Bán hàng	856.706.555	257.613.000
- Chia cổ tức	9.840.000.000	-

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.3.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**7.2 Số liệu so sánh*****Ảnh hưởng của việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 50/DLĐN/DHCD-NQ ngày 07 tháng 04 năm 2017***

Trong năm 2017, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 50/DLĐN/DHCD-NQ ngày 07 tháng 04 năm 2017.

Việc trích lập các quỹ này làm cho lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông giảm từ 10.196.138.489 VND xuống còn 7.556.910.791 VND, dẫn đến lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2016 giảm từ 1.400 VND/Cổ phiếu xuống còn 1.038 VND/Cổ phiếu.

Ảnh hưởng của việc áp trích lập các quỹ nêu trên đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh VND/Cổ phiếu	Điều chỉnh VND/Cổ phiếu	Số liệu sau điều chỉnh VND/Cổ phiếu
<b><i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i></b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	70	1.400	(362)	1.038



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**ĐINH THỊ LIÊN**  
Người lập

**ĐẶNG THỊ TÓ NGÂN**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN MINH THỨC**  
Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 09 tháng 02 năm 2018